

GÓP PHẦN TÌM HIỂU
**MỘT SỐ PHONG TỤC TẬP QUÁN
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
Ở VIỆT NAM**

ĐÀO NAM SƠN (CHỦ BIÊN)
ĐÀO THỊ NGỌC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN



VINA BOOK JSC

GÓP PHẦN TÌM HIỂU
MỘT SỐ PHONG TỤC TẬP QUÁN
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đào Nam Sơn

Góp phần tìm hiểu một số phong tục tập quán các dân tộc thiểu số ở Việt Nam : Sách tham khảo / Đào Nam Sơn (ch.b.), Đào Thị Ngọc Hồ. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 244tr. ; 21cm

1. Phong tục 2. Tập quán 3. Dân tộc thiểu số 4. Việt Nam 5. Sách tham khảo
390.09597 - dc23



QDH0107p-CIP

✓ *Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.*

✓ *Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web: thanglong.com.vn*

ĐÀO NAM SƠN (Chủ biên)
ĐÀO THỊ NGỌC HỒ

GÓP PHẦN TÌM HIỂU
MỘT SỐ PHONG TỤC TẬP QUÁN
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

Sách tham khảo

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2016

Lời Nhà xuất bản

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất, gồm 54 dân tộc cùng tồn tại và phát triển trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Trong đó, 53 dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở khu vực biên giới đất liền, miền núi và vùng trung du đã và đang sáng tạo nên rất nhiều nét văn hóa độc đáo trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động sản xuất dựng xây đất nước.

Phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số là một bức tranh rực rỡ sắc màu, các mảng khối đậm đà kết lại hài hòa và vô cùng sinh động, phản ánh sự tôn vinh giá trị con người, tình yêu thương, sự gắn kết con người trong cộng đồng dân tộc; đồng thời cũng nói lên trình độ tiến bộ xã hội, những quan niệm về thế giới và con người qua những thời kỳ lịch sử.

Để giúp cho lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ toàn quân nghiên cứu, vận dụng nâng cao hiệu quả trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng với nhu cầu của bạn đọc, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản

cuốn sách tham khảo "Góp phần tìm hiểu một số phong tục tập quán các dân tộc thiểu số ở Việt Nam" do các tác giả Đào Nam Sơn và Đào Thị Ngọc Hồ biên soạn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tư liệu và biên soạn, song cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu!

**NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

Lời nói đầu

Cùng kề vai sát cánh với dân tộc Kinh (Việt), các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã và đang sáng tạo nên rất nhiều nét văn hóa độc đáo trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động sản xuất và chiến đấu bảo vệ đất nước. Một trong số đó là những phong tục tập quán ở các cộng đồng này - những thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày được mọi người công nhận và làm theo, truyền từ đời này sang đời khác.

Trong suốt cuộc đời công tác, chúng tôi may mắn có điều kiện được gần bó với đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều vùng trong cả nước; được đồng bào yêu thương và đùm bọc coi như con em mình, cho tham gia vào các hoạt động của đời sống thường ngày, được đánh quay, ném còn, hát múa, đánh chiêng, ăn cơm mừng cơm mới, uống rượu ghè bên ánh lửa bập bùng...

Với tình cảm yêu quý và trân trọng, chúng tôi miệt mài ghi lại những gì mắt thấy tai nghe thành các bài viết. Cuốn sách này là sự tập hợp có chọn lọc các bài viết đó. Để bạn đọc dễ theo dõi, chúng tôi bố cục nội dung cuốn sách theo các tiểu mục: Phong tục tập quán trong đón Tết; Tập quán dùng lịch của người Khmer và người Chăm; Phong tục

tập quán trong gia đình; Phong tục tập quán trong sinh hoạt cộng đồng; Giải thích sự vật, hiện tượng và lời răn bằng truyện cổ và luật tục; Phong tục tập quán trong sinh nở, cưới hỏi và tang ma; Phong tục tập quán trong sản xuất, canh tác...

Có được cuốn sách này, chúng tôi được các ông bà Ksor Yin, Kpă Tweo, Kpă Puăl, Thạch Đời, Thào Thị Mùi, Vương Thị Thủy, Nguyễn Thị Hiên, Thuận Ngọc Liêm, Y Dư, Kdân Hje, Hơ Thủy, Lê Thanh Sử đã vui lòng cung cấp cho những tư liệu quý. Mong các ông bà nhận ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành.

*Trân trọng gửi tới bạn đọc cuốn sách **Góp phần tìm hiểu một số phong tục tập quán các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.***

ĐÀO NAM SƠN

PHONG TỤC TẬP QUÁN TRONG ĐÓN TẾT

Nước ta có 54 dân tộc, ngoài dân tộc Kinh (Việt), 53 dân tộc còn lại được gọi là dân tộc thiểu số. Dân tộc nào cũng có khá nhiều tết. Ở nước ta không mấy ngày không có tết. Có tết theo Mặt Trăng, tết theo Mặt Trời, tết theo mùa vụ, tết theo triều sông, con nước. Lại có tết cho thầy học, tết cho trẻ em, tết kỷ niệm những ngày trọng đại của dân tộc và đất nước. Tết trọng của nhiều dân tộc là Tết Nguyên đán (theo tiếng Hán, *nguyên* là mở đầu, *đán* là ngày). Người hay nói chữ thường nói *nhất đán* tức là đến một ngày nào đó, một khi nào đó. Nguyên đán là ngày đầu tiên. Tết Nguyên đán mang đậm sắc màu tâm linh, tín ngưỡng và bao giờ cũng vui, bao giờ cũng mang nhiều hứa hẹn cho những ngày sắp tới.

Trước khi đón Tết Nguyên đán, thường có hoạt động chuẩn bị. Chưa tết mà có khi vui hơn tết, bởi vì sự chờ mong nào cũng đem lại nhiều háo hức. Trong mấy ngày tết có khi vì bận bịu quá, mãi chơi quá nên không thấy hết niềm vui. Sau tết thì khó

tránh được cảm giác tiếc nuối. Tôi giữ mãi cái cảm giác bùi ngùi, trống vắng khi tết tàn, xuân hết của thi sĩ Hồ Xuân Hương trong bài "Chơi đu":

Chơi Xuân mới biết Xuân chẳng tá

Cột nhớ đi rồi lỗ bỏ không

Trước tết, dân tộc nào cũng có phong tục sắm tết, tu sửa dọn dẹp nhà cửa cho thật sạch sẽ phong quang để đón tết, dù ở Đông Bắc, Tây Bắc Bắc Bộ, hay ở miền Trung ven biển, dù ở rẻo Tây Nguyên, hay ở đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bào ta còn nghèo, quanh năm lam lũ chỉ có ngày tết mới có điều kiện nghỉ ngơi, chơi bời, ăn uống, nên mấy ngày này được lo toan, chăm chút. Với người Thái, thì ngay từ đầu tháng Chạp, khi lúa trên nương đã chuyển về nhà, gác trên sàn, đồng bào bắt đầu sửa sang lại mái nhà, chuẩn bị kiếm cá, lấy lá dong, chất thêm củi dưới sàn, mua sắm thêm bát đĩa, quần áo mới cho con cái. Ngày 25 tháng Chạp là phiên chợ đông nhất, vui nhất, cuốn hút được dân các *chiềng* trên, *ảng* dưới về dự. Các cô gái Thái mặc áo *cỏm* với hàng cúc bạc bó sát người, đầu đội chiếc khăn piêu sắc sỡ đến chợ. Xa xa, núi đứng, núi ngồi chen nhau trong làn sương sớm, đây đó lác đác những nụ hoa ban.

Chuẩn bị cho mâm cỗ tết nhiều dân tộc có tục gói bánh chưng. Người Khmer thì gói bánh tét hình to tròn như cổ tay (tiếng Khmer là *num òn-son chô-rúc*) cùng với bánh ít mang đậm tín ngưỡng phồn thực của người Khmer cổ. Người Thái và người Khơ-mú thường gói bánh chưng theo nhiều kiểu: kiểu vuông tượng trưng cho chiếc gùi

đeo, kiểu bánh thuẫn dài tượng trưng cho cái gậy... Bánh của họ chỉ gói nhỏ và rất ít khi bỏ nhân. Số lượng gói bao giờ cũng phải chẵn và trong số bánh chưng gói, một nửa được gói bằng gạo nếp trắng dẻo, còn một nửa trước khi gói người ta đem gạo nếp trộn với than rơm, sàng sảy kỹ rồi mới gói. Cho nên loại bánh này khi luộc chín có màu xanh đen. Bánh xanh đen ăn rất ngon và theo kinh nghiệm nó còn ngừa được chứng đau bụng.

Giao thừa, người Lô Lô có tục lấy may. Người Mông có tục cân nước.

Giao thừa với dân tộc nào cũng là một thời khắc rất thiêng liêng. Nhà nào cũng làm mâm cỗ cúng giao thừa. Mâm cỗ này dành để tiễn ông thần năm cũ và đón năm mới. Có năm, người ta bảo nhau cúng gà, có năm lại cúng chân giò. Lễ cúng giao thừa diễn ra rất ngắn. Thường thì chủ gia đình soạn một bài cúng ngắn kính cáo thần linh những gì đã xảy ra trong năm cũ và cầu xin một năm mới nhiều tốt lành. Sau lễ cúng, cả nhà gặp nhau ở một gian trang trọng nhất trong nhà để chúc tết và mừng tuổi cho nhau.

Trong mấy ngày tết, nhiều dân tộc có phong tục chúc tết thầy giáo, người thân và bạn bè.

Tết Nguyên đán của người Khmer có tên là *Bôn Chôl cho-năm thô-mây*. Trong ngày tết cuối cùng, người Khmer chơi trò té nước. Họ té nước có màu hoặc té nước thơm. Màu sắc và hương thơm lưu lại trên quần áo chính là lời chúc phúc đầu năm sinh động nhất.

Sau tết, người Tày có hội Lồng Tổng (hay còn gọi là hội Lồng Tông). Tuy hội chỉ diễn ra trong một ngày, hoặc có nơi tới vài ba ngày, nhưng sau vùng này lại đến vùng kia, nên Lồng Tổng chiếm trọn cả tháng Giêng, có khi sang cả tháng Hai.

Hành lễ, đồng bào rước thần Nông và thần Đình ra hội. Các gia đình thì đưa mâm cơm cỗ của mình tới để cúng tạ ơn các vị thần. Cũng nhân dịp này, người thân thuộc, bạn bè thăm hỏi nhau, cùng ăn uống. Trai gái gặp gỡ. Có rất nhiều trò chơi dân gian như tung còn, kéo co và múa sư tử được tổ chức.

Khác với người Tày, để kết thúc Tết Nguyên đán người Pu Péo có tục cúng thần Rừng vào ngày rằm tháng Giêng. Trong lễ cúng, người Pu Péo còn cầu xin tổ tiên và thần Nước phù hộ. Làm xong lễ cúng này, người Pu Péo mới dám lên nương, đi rừng, làm ruộng. Kể từ đó, một chu kỳ nông nghiệp lại bắt đầu với những vất vả và những trông đợi.

Phong tục tết của các dân tộc trên dải đất hình chữ S này có nhiều nét khác nhau nhưng đều tỏa ra ánh sáng nhân ái, niềm vui sống, lòng biết ơn tổ tiên, thiên nhiên và cây cỏ của một cộng đồng cư dân nông nghiệp. Với người nông dân, Tết Nguyên đán là sự khép lại thời gian nông nhàn mở ra thời vụ mới. Với người làm công, ăn lương, hết Tết cũng là chấm dứt một thời gian nghỉ ngơi. Mọi người bắt đầu vào một nhịp lao động hối hả, người làm việc xa nhà ra tàu, lên xe quay về công sở làm việc. Sau lưng họ là những ngày sum họp vui vẻ, trước mắt họ là tiết xuân đang phơi phới...

1. Tết của người Chăm

Người Chăm ở Việt Nam có dân số 161.729 người (theo điều tra dân số năm 2009), địa bàn cư trú chủ yếu ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định, Phú Yên, Châu Đốc (An Giang), Khánh Hòa. Bộ phận người Chăm theo Ấn Độ giáo (Bà-la-môn) kiêng ăn thịt bò, bộ phận theo Hồi giáo (Bà-ni) kiêng ăn thịt lợn. Người Chăm có bề dày văn hóa truyền thống. Nghĩ đến người Chăm là người ta nghĩ ngay đến các tháp Chăm cổ kính nằm rải rác từ Bình Định qua Tuy Hòa, Nha Trang đến Phan Rang, Phan Thiết được xây bằng những viên gạch nung mài nhẵn, chồng khít lên nhau tưởng như không có mạch kết dính, sừng sững trên nền trời, bất chấp sự tàn phá của thời gian. Thổ cẩm Chăm, gồm Chăm cũng mang những giá trị văn hóa độc nhất vô nhị.

Người Chăm, tháng 1 đầu năm mới gọi là *Bi-lan Tha* (theo lịch Chăm). So với âm lịch của người Việt, lịch Chăm sớm hơn hai tháng. Người Chăm không gọi tháng này là tháng tết. Tết mà họ quan niệm là *Ka-tê* (tết Cha) tổ chức vào tháng 7 và *Cha-bur* (tết Mẹ) tổ chức vào tháng 9. Xin lưu ý rằng, trong cả hai tết này họ đều có nghi thức cúng thần linh. Thế nhưng, từ ngày mừng 2 thượng tuần đến ngày 15 hạ tuần tháng *Bi-lan Tha* (tháng của người Chăm chia làm hai phần: thượng tuần và hạ tuần, mỗi phần 15 ngày).

Trong mấy ngày tết, khắp các làng Chăm đi đâu cũng thấy từng bừng hát múa. Người Chăm

gọi đây là "lễ múa" chúc mừng năm mới. Ngày lễ múa chúc mừng năm mới không ấn định vào một ngày cụ thể nào. Mỗi làng chọn một ngày mà được xem là ngày tốt.

Ở làng Như Bình, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, giữa cánh đồng mọc lên một ngọn núi đá hoa cương hình thù bù xù giống như đầu sư tử. Dân làng gọi núi này là núi Đá Trắng. Tương truyền rằng: Ngày xưa ở đây có một con Chằn tinh hung dữ. Một dũng sĩ đã vì dân chém chết con Chằn tinh này. Đầu Chằn tinh văng ra hóa thành núi đá. Những ngày đầu năm dân quanh vùng có tục đâm trâu lấy huyết đổ vào khe đá. Không biết đây có phải nghi lễ nhắc lại chiến tích ngày xưa hay là để an ủi vong hồn Chằn tinh mong nó không quấy phá. Trong mấy ngày đầu năm, dù "lễ múa" có vui đến đâu dân làng cũng không quên làm công việc có liên quan đến tín ngưỡng này.

2. Tết của người Jrai

Theo điều tra năm 2009, dân số Jrai có 441.257 người, cư trú tập trung ở ba tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Đắk Lắk và còn một số ít ở Bình Định. Dân tộc Jrai có bề dày văn hóa truyền thống. Trong bức khảm văn hóa Jrai, Tết Nguyên đán là một nét đậm tươi sáng...

Lịch của người Jrai theo nông lịch, một năm có mười hai tháng. Hằng năm, qua mùa khô hanh, khi có hạt mưa đầu tiên rơi xuống, người Jrai tính

là bắt đầu tháng 1. Con mưa đầu tiên với người Jrai rất có ý nghĩa. Đồng bào gọi cơn mưa này là *lê rah*. Hằng năm, cơn mưa đầu tiên trên rẻo đất Tây Nguyên thường trúng vào tháng 4 dương lịch. Trong mười hai tháng theo lịch của đồng bào thì mười tháng đầu tiên được gọi tên bằng số từ 1 đến 10, còn hai tháng cuối thì có tên riêng lần lượt là tháng *Ninh Nung* và tháng *Wor*. *Ninh Nung* là hình tượng con cá dưới nước, con thú trên rừng. Tháng *Ninh Nung* có thể xem là tháng săn bắt. *Wor* nghĩa đen của từ này là quên. Sau một năm vất vả con người ta cũng cần quên: quên riu rựa, quên lo toan đời thường để ăn chơi, để chăm lo những việc tinh thần. Như vậy tháng 4 dương lịch thường trúng với cái tết của người Jrai. "Tháng 3 mùa con ong đi lấy mật" chính là tháng cuối cùng trong năm, cũng là tháng người Jrai chuẩn bị đón Tết Nguyên đán. Đất trời Tây Nguyên tháng tư, lúc có cơn mưa đầu mùa, trên rừng thì lá cây đã được gột rửa, dưới đất thì bụi đỏ ba-zan đã chịu nằm yên, thời tiết khô ráo, mát mẻ. Lúc này mà tổ chức các cuộc vui đón tết cũng có thể nói là đã hội đủ 3 yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Người Jrai không thông nhất ngày Tết Nguyên đán, mà chỉ thông nhất tháng Tết Nguyên đán là tháng 4. Trong phạm vi tháng 4, ngày tết tùy theo gia đình, tùy theo làng lựa chọn mà thành. Vì không có ngày đón tết thông nhất chung cho cả cộng đồng nên người Jrai không quan tâm đến đêm giao thừa.

Bước vào năm mới, người Jrai không đón Tết Nguyên đán riêng. Đây là nét văn hóa độc đáo.